

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN BẢO VỆ CHUYÊN NGHIỆP

CHƯƠNG I. NGHIỆP VỤ BẢO VỆ

Bài 1: PHƯƠNG PHÁP BẢO VỆ MỘT SỐ LOẠI MỤC TIÊU

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG CỦA ĐỘI BẢO VỆ

Khách đến liên hệ yêu cầu:

- Tắt máy, xuống xe xuất trình giấy tờ.
- Đăng ký vào mẫu sổ khách (tên công ty, người cần gặp, mục đích gặp)
- Bộ phận bảo vệ sẽ liên hệ với người khách cần gặp. Nếu đồng ý gặp thì bảo vệ sẽ hướng dẫn cho khách vào khu vực cần gặp hoặc vị trí ngồi chờ.
- Khách không được đi lại tùy tiện trong mục tiêu nếu chưa có sự đồng ý của đơn vị chủ quản (hoặc không có người của đơn vị chủ quản đi cùng).
- Luôn đeo thẻ khách khi đã được cấp phát, chịu sự giám sát của bảo vệ khi ra vào cổng.

Phương tiện chuyển hàng hóa

- Xuất trình giấy tờ tùy thân, hóa đơn hàng đăng ký vào sổ theo dõi.
- Chịu sự hướng dẫn của bảo vệ, dừng xe, đậu xe đúng nơi quy định.
- Lái xe, lơ xe,... không được tùy tiện đi lại lung tung trong mục tiêu khi chưa có sự đồng ý của nhân viên bảo vệ.
- Người điều khiển phương tiện phải đảm bảo các vấn đề an toàn khi lưu thông trong khu vực nhà máy. Kiểm tra tất cả các phương tiện khi vào nhà máy.

Đơn vị thầu phụ:

- Người đại diện đơn vị phải xuất trình giấy tờ. Đăng ký vào sổ thầu phụ (số lượng người, công việc thực hiện, vị trí làm việc)
- Các thiết bị, dụng cụ thi công phải khai báo và đăng ký với nhân viên bảo vệ.
- Luôn đảm bảo công tác PCCC, vệ sinh môi trường, an toàn lao động trong thời gian thi công tại nhà máy.
- Vì lý do nào đó phải làm đêm hoặc thêm giờ. Phải được sự đồng ý của đơn vị chủ quản.
- Tuyệt đối không được đi lại ngoài khu vực thi công.
- Luôn đeo thẻ thầu phụ (nơi được cấp phát) trong thời gian làm việc tại nhà máy.
- Chịu sự kiểm soát của nhân viên bảo vệ về người và phương tiện khi ra vào cổng.

Cán bộ nhân viên của nhà máy.

- Khi qua cổng phải xuống xe dắt bộ. Nghiêm túc chấp hành về đồng phục được cấp phát, và thẻ cá nhân.
- Trong thời gian làm việc công nhân không được mở tủ cá nhân, không được ra ngoài nếu chưa có sự đồng ý của người có thẩm quyền
- Với các xe đưa rước cán bộ công nhân viên phải dừng trước cổng bảo vệ và đi bộ vào nhà máy. Hết giờ đi bộ qua cổng mới được lên xe.
- Bảo vệ kiểm tra người, xe, túi xách trước khi cán bộ, công nhân viên ra về (khi chủ quản có nội quy, quy định về việc này)

PHẦN II: CÁCH BẢO VỆ MỘT SỐ LOẠI MỤC TIÊU

A. BẢO VỆ CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG

- Tính chất Mục tiêu: Mục tiêu là công trường xây dựng nên tình hình rất phức tạp, nhân viên bảo vệ phải có nghiệp vụ cao, để giải quyết rất nhiều tình huống có thể xảy ra trong mục tiêu.
- Nhiệm vụ các vị trí: Thường có 2 vị trí Chính: Cổng chính, tuần tra.

I. VỊ TRÍ CÔNG CHÍNH.

Đây là vị trí quan trọng nhất trong các vị trí bảo vệ tại Mục tiêu công trường, vị trí này có các nhiệm vụ như sau:

1. Đối với khách.
 - a) Khi vào công trường.
 - Hỏi tên khách, cơ quan công tác, mục đích vào gặp ai.
 - Liên lạc bằng bộ đàm hoặc điện thoại vào bên trong báo cho người cần gặp ra đón, nếu không có hẹn trước thì phải có sự đồng ý của người mà khách cần gặp.
 - Ghi tên khách, tên công ty, giờ đến của khách vào sổ khách ra vào.
 - Phát cho khách thẻ khách và các dụng cụ bảo hộ lao động như mũ, giày, kính.
 - Cho khách đăng ký những đồ vật có giá trị, chỉ dẫn cho khách vào Mục tiêu.
 - b) Khi ra khỏi công trường :
 - Kiểm tra túi xách của khách.
 - Kiểm tra các đồ vật khách mang ra (nếu có) có đúng với giấy cho phép mang ra của đơn vị chủ quản (phải có chữ ký của người có thẩm quyền).
 - Thu lại các vật dụng đã phát cho khách.
 - Đề nghị khách ghi vào sổ giờ ra và ký tên.
 2. Đối với công nhân.
 - a) Khi vào :
 - Kiểm tra thẻ, mũ và các trang thiết bị bảo hộ khác.
 - Kiểm tra trang phục có đúng theo yêu cầu của đơn vị chủ quản.
 - Phải đăng ký các vật dụng có giá trị.
 - Công nhân làm việc ngăn ngày phải kiểm tra tên trong danh sách cho phép của đơn vị chủ quản.
 - b) Khi ra:
 - Tất cả công nhân phải bỏ mũ xuống, lần lượt ra từng người.
 - Kiểm tra cẩn thận túi xách, đối chiếu vật dụng mang ra, kiểm tra có đúng như đã đăng ký hoặc đúng như trong giấy cho ra của đơn vị chủ quản. Ra ngoài không được mang bất cứ vật gì.
 - Bảo vệ kiểm tra người cẩn thận phía trước, bên hông, Giày, ống chân
 - Ghi chú: Ngày giờ, số lượng, chủng loại, chữ ký trong giấy cho ra.
 3. Đối với các loại xe.
 - a) Khi vào
 - Phải dừng tại cổng, người tài xế phải xuất trình giấy tờ, đăng ký tên xe, số xe, đem những gì vào, giờ vào vào trong sổ, thông báo cho người có trách nhiệm của đơn vị chủ quản ra đón.
 - Cho lái xe đăng ký những vật dụng có giá trị để đối chiếu khi ra.
 - Kiểm tra xe có đầy đủ điều kiện vào Mục tiêu (ví dụ chiều cao không thích hợp, xe quá lớn)
 - Mở cổng cho xe vào.
 - b) Khi ra:
 - Xe dừng lại tại cổng, người tài xế phải vào phòng bảo vệ ghi giờ ra và đăng ký vào sổ đăng ký.
 - Tài xế phải xuất trình giấy tờ có liên quan đến việc đem hàng hóa ra ngoài.
 - Bảo vệ phải kiểm tra và đối chiếu với thực tế hàng mang ra có khớp với phiếu xuất hàng hay không.
- Chú ý:
- Chủng loại, số lượng, chất lượng, mã số
- Phải kiểm tra cẩn thận các thùng xe, gầm xe, thành xe, cabin xe.
- Không giải quyết các hàng hóa không giấy phép mang ra (giấy xuất hàng phải có chữ ký của đơn vị chủ quản).
- Mở cổng cho xe ra.

4. Đối với trang thiết bị nguyên vật liệu

a) Khi vào

- Kiểm tra hóa đơn, chủng loại, số lượng, mã số ...
- Liên lạc với người có liên quan của đơn vị chủ quản ra đón.
- Ghi vào sổ đăng ký nguyên vật liệu.

Chú ý:

Hàng hóa mang vào Mục tiêu phải được kiểm tra cẩn thận, ghi chú nếu là nguyên vật liệu dễ cháy nhân viên bảo vệ phải tư vấn cho khách hàng công tác PCCC.

b) Khi ra

- Kiểm tra hóa đơn, giấy xuất kho có chữ ký của đơn vị chủ quản.
- Sau khi kiểm tra hóa đơn, nhân viên bảo vệ tiến hành kiểm tra số lượng thực tế.

Chú ý :

Chủng loại, mã số, chất lượng số lượng và chữ ký.

Lưu trữ các hóa đơn, giấy xuất kho và giấy cho ra của đơn vị chủ quản

5. Đối với nhân viên ra vào

- Tất cả các nhân viên phải tuân thủ theo nội quy của công trường.

6. Một số nhiệm vụ khác của nhân viên công chính.

- Quản lý điện thoại, chìa khóa.
- Giải thích hướng dẫn các vấn đề cho khách ra vào.
- Quản lý trang thiết bị, ghi chép sổ sách sạch sẽ, chính xác, tất cả xếp gọn gàng có khoa học.
- Nắm bắt tình hình và báo cáo cho những người có thẩm quyền khi họ cần biết.
- Giữ gìn thông tin liên lạc, phối hợp với các vị trí khác.
- Bàn giao chặt chẽ cho ca sau.
- Quản lý thư từ chuyển phát nhanh (nếu có).

II VỊ TRÍ TUẦN TRA.

Tuần tra khu vực được giao, phát hiện, bắt giữ, lập biên bản những người vi phạm nội quy công trường.

Phát hiện, ngăn chặn những hành vi phá hoại, vi phạm an toàn lao động.

Phát hiện những sự cố cháy nổ, máy móc cháy nổ.

Kiểm tra các công cụ phòng chống cháy và hệ thống báo cháy, đảm bảo khi xảy ra sự việc sẽ đưa lại hiệu quả sử dụng cao nhất.

Kiểm tra khóa các cửa sổ, và cửa ra vào.

Kiểm tra các thiết bị sử dụng bằng điện về độ an toàn, đặc biệt là cháy nổ.

Phải mang theo các dụng cụ thích hợp khi đi tuần tra như: đèn pin, bộ đàm, dùi cui.

Giám sát, kiểm soát người trong khu vực làm việc, chú ý giám sát các khu vực cấm nguy hiểm không cho người không có thẩm quyền được vào.

Dùng các phương tiện thông tin liên lạc, phối hợp làm việc với các vị trí khác.

Ghi chép sổ tuần tra cẩn thận, tỉ mỉ. Chú ý ghi rõ số công nhân làm việc thuộc công ty nào, làm việc ở đâu làm gì, thời gian bao lâu.

III MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN BẢO VỆ.

- Phải biết rõ mục đích, tính chất, mức độ mạnh động của công nhân tại Mục tiêu.
- Biết được các trang thiết bị đắt tiền, dễ mất.
- Các mảnh khoé ăn cắp của công nhân.
- Biết được cá tính từng người của đơn vị chủ quản.
- Nhận thức được những khó khăn tại mục tiêu, những khu vực nào nguy hiểm.
- Nắm rõ lịch trực tại mục tiêu mình đang làm việc.

- Nắm được tình hình an ninh trật tự các khu vực xung quanh tại Mục tiêu.

B. BẢO VỆ NHÀ MÁY.

Tính chất Mục tiêu: Mục tiêu là nhà máy, nhìn chung tình hình mục tiêu tương đối ổn định nhưng có nhiều công việc phải xử lý liên quan đến nhà máy và bên ngoài, liên quan đến hoạt động của nhà máy, số lượng công nhân của nhà máy nên nhân viên bảo vệ phải có lượng kiến thức và kinh nghiệm bảo vệ để đáp ứng được nhu cầu của các mục tiêu.

Nhiệm vụ các vị trí: Thường cử 3 vị trí

- Công chính
- Chịu Gác
- Tuần tra.

I. NHIỆM VỤ TẠI CÔNG CHÍNH

Kiểm tra, kiểm soát người, khách, xe các loại ra vào theo đúng nội quy của chủ quản và công tác nghiệp vụ bảo vệ.

Chú ý: xe chở hàng ra vào phải đối chiếu đúng hóa đơn, chứng từ và giấy phép cho mang trang thiết bị, nguyên vật liệu ra vào.

- Theo dõi tình hình hoạt động của nhà máy.
- Theo dõi kiểm soát nhân viên của nhà máy.
- Kiểm soát khu vực lân cận như nhà xe, khu vực trước tổ nhà

(Tất cả các hoạt động, nhiệm vụ giống như công trường nhưng cần phải làm việc với tinh thần linh hoạt, khéo léo hơn.)

II. NHIỆM VỤ TUẦN TRA.

(Giống như công trường)

Ngoài ra:

- Chú ý tuần tra các khu vực quan trọng như nhà trọ, trạm bơm, máy phát điện, các khu vực có máy lạnh, khu vực văn phòng, nhà xưởng.
- Kiểm tra các xe xuống hàng, lên hàng tại kho.
- Hướng dẫn các phương tiện đi lại trong nhà máy.
- Kiểm tra các cửa ra vào, các cửa sổ, các trang thiết bị sử dụng điện khi nhân viên nhà máy ra về hết.
- Nhắc nhở các nhân viên của nhà máy tuân thủ các biện pháp an toàn lao động.

III CHỊU GÁC (Nhiệm vụ giống như công trường)

IV. MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN BẢO VỆ TẠI NHÀ MÁY.

- Biết rõ các số điện thoại cần thiết: Công an, Công an PCCC, điện thoại Công ty, Điện thoại các mục tiêu lân cận.
- Biết rõ cách sử dụng sổ sách cũng như công cụ hỗ trợ tại Mục tiêu.
- Biết rõ các yêu cầu, nội quy riêng của nhà máy.
- Biết rõ tính chất hoạt động của nhà máy.
- Biết rõ sản phẩm của nhà máy, màu sắc, kích cỡ, trọng lượng, mã số, nhận dạng.
- Biết được tên Ban Giám Đốc Nhà máy và người phụ trách an ninh của nhà máy
- Biết rõ vị trí và cách sử dụng hệ thống PCCC.
- Biết rõ giờ cao điểm công nhân ra vào.
- Cố gắng biết mặt nhân viên và nhận dạng xe của họ.
- Biết rõ được sơ đồ cấu trúc của nhà máy và nơi nào trọng yếu.
- Biết rõ được tình hình an ninh bên ngoài.

- Biết rõ được trình độ, nhận thức và quan điểm thái độ của công nhân đối với bảo vệ.
- Biết rõ cách xử lý các tình huống xảy ra.

BÀI 2. CÁCH XỬ LÝ TÌNH HUỐNG.

Trong công tác bảo vệ có rất nhiều tình huống có thể xảy ra mà nhân viên bảo vệ cần phải xử lý. Do đó nhân viên bảo vệ cần phải có một kiến thức cơ bản để xử lý tình huống cho thích hợp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất về sự an toàn cho tài sản và con người của khách hàng.

1. Xảy ra đánh nhau tại Mục tiêu

a) Lý do: Có rất nhiều lý do.

b) Cách giải quyết:

- Dùng toàn bộ lực lượng bảo vệ chia đám đông làm hai phía.
- Dùng lý lẽ để lập lại trật tự của đám đông.
- Yêu cầu từng bên rời khỏi Mục tiêu.
- Xem trong hai phía ai là người đứng đầu
- Báo cho đơn vị chủ quản biết.
- Mời những người đứng đầu của hai bên vào họp giải quyết với đơn vị chủ quản.
- Giải tán dần đám đông
- Báo cho công ty biết bằng điện thoại, sau đó viết báo cáo chi tiết sự việc gửi các bên có liên quan.
- Nếu xảy ra xô xát lớn gọi điện thoại cho cảnh sát và phải báo cho họ biết các thông tin sau :
 - v Xảy ra ở đâu
 - v Thời gian nào
 - v Nguyên nhân, lý do
 - v Tình trạng hiện tại
 - v Thiệt hại (nếu có)
 - v Cho biết số điện thoại của Mục tiêu
 - v Phải đợi cho Đội cảnh sát có câu trả lời mới được tắt máy.
 - v Nhân viên bảo vệ phải hết sức đoàn kết.

Chú ý:

Nhân viên bảo vệ cần hết sức bình tĩnh, mềm dẻo trong xử lý nhưng phải cương quyết thể hiện sức mạnh

Phòng chống kẻ gian lợi dụng lúc lộn xộn đột nhập vào Mục tiêu.

Phòng chống kẻ gian lợi dụng vụ việc để phá hoại

- ừ Nếu có người bị thương phải đưa đi cấp cứu ngay.
- ừ Nếu xảy ra vụ việc lớn phải bảo vệ hiện trường để phục vụ cho công tác điều tra.
- ừ Chú ý vấn đề phòng vệ chính đáng nếu có xảy ra vụ việc đánh nhau.

3. Xảy ra vụ việc có người bị thương cấp cứu hoặc bị chết.

a) Lý do : Có rất nhiều lý do

b) Cách giải quyết với người bị thương đi cấp cứu.

– Gọi điện thoại đến trung tâm cấp cứu báo cho họ biết.

- + Tên, địa chỉ mục tiêu.
- + Đường đến gần nhất.
- + Thông báo vị trí nào trong mục tiêu.
- + Tên của người cấp cứu.
- + Tính chất Mức độ của sự việc và tình trạng của bệnh nhân.
- + Cho biết số điện thoại của Mục tiêu.

(Không được cúp máy khi chưa được sự phản hồi của bệnh viện)

- Thông báo cho người quản lý và bảo vệ mục tiêu được biết và cử người vào đưa và hộ tống bác sỹ đến chỗ bệnh nhân được nhanh chóng.
- Phải có người trực tại chỗ bệnh nhân để phụ giúp đưa bệnh nhân đi cấp cứu được nhanh chóng.
- Nếu nhân viên bảo vệ đã được huấn luyện thì sơ cứu cho bệnh nhân nhưng không được di chuyển bệnh nhân trừ khi thấy xuất hiện nguy hiểm hay vết thương càng trầm trọng. Không được cho uống thuốc lung tung khi không có hiểu biết.
- Báo cho đơn vị chủ quản và công ty được biết bằng điện thoại sau đó bằng văn bản.

c) Cách giải quyết khi có người chết tại Mục tiêu.

- Bảo vệ hiện trường.
- Không cho đám đông hiếu kỳ xâm nhập vào Mục tiêu để xem.
- Báo cảnh sát địa phương.
- Lập biên bản sự việc báo về công ty
- Cố gắng phát hiện những tang chứng vật chứng hoặc những người tình nghi.
- Giúp đỡ công an trong công tác điều tra.
- Giải quyết xác nạn nhân sau khi điều tra hiện trường kết thúc.

3. Trường hợp bắt kẻ gian trong Mục tiêu.

Khi bắt được kẻ gian trong Mục tiêu các nhân viên bảo vệ cần có các bước giải quyết như sau :

- Bảo vệ hiện trường.
- Phát hiện và bảo quản các vật chứng.
- Giữ lại các nhân chứng.
- Kiểm soát chặt chẽ không cho kẻ gian trốn thoát.
- Mời người đại diện của đơn vị chủ quản ra làm chứng.
- Lập biên bản

* Yêu cầu ghi rõ trong biên bản:

- Ngày, giờ xảy ra vụ việc.
- Địa điểm xảy ra vụ việc.
- Tên, tuổi, quê quán, địa chỉ thường trú, tạm trú của người phạm tội.

Nội dung

- Vi phạm, ghi rõ đặc điểm của các vật chứng và tên, tuổi nơi công tác của người làm chứng.
- Thiệt hại của vụ việc.
- Hướng xử lý.
- Có đủ chữ ký của người vi phạm, người làm chứng và người lập biên bản.

Sau đó:

- Giải tán đám đông.
- Phòng chống kẻ gian lợi dụng lúc lộn xộn đột nhập vào Mục tiêu
- Giải người phạm tội đến cơ quan công an kèm theo biên bản, tang chứng, vật chứng, nhân chứng.
- Nếu vụ việc lớn mời cảnh sát đến làm việc trực tiếp để thuận lợi cho việc điều tra sau này.

4. Trường hợp người lạ vào Mục tiêu:

Nếu phát hiện thấy người lạ đột nhập vào Mục tiêu, nhân viên bảo vệ phải làm như sau:

- Dùng hiệu lệnh yêu cầu người lạ đứng lại.
- Tiến gần người lạ đồng thời bí mật quan sát, đánh giá.

- + Trang phục.
- + Tác phong.
- + Thái độ
- + Tuổi tác.
- + Các vật dụng mang theo.

- Lịch sự hỏi người lạ :
 - + Tên người lạ.
 - + Cơ quan công tác.
 - + Mục đích, lý do vào Mục tiêu.
 - + Vào bằng con đường nào, lúc nào.
 - + Cần gặp ai (Bí mật điều tra những thông tin trên vừa được cung cấp và những biểu hiện bên ngoài của người lạ.)
 - a) Nếu người lạ là người đến liên hệ công tác.
 - Giải thích, chỉ đường cho họ đến nơi cần đến.
 - Yêu cầu họ thực hiện đúng các nội quy của đơn vị chủ quản như đeo thẻ, đội mũ bảo hiểm đi giày bảo hộ, thực hiện đúng các yêu cầu về an toàn lao động và các thủ tục khác như đăng ký tên vào sổ ngồi cổng chính...
 - b) Nếu người lạ là người xâm nhập bất hợp pháp.
 - Yêu cầu họ vào phòng bảo vệ làm việc.
 - Kiểm tra giấy tờ tùy thân.
 - Lập biên bản.
 - Điều tra xem nguyên nhân, động cơ mục đích của họ vào Mục tiêu để làm gì.
 - Tùy tính chất vụ việc báo chủ quản hay báo cho công an địa phương biết.
- Yêu cầu :**
- Nhân viên bảo vệ phải giữ đúng khoảng cách an toàn với người lạ.
- Làm việc lịch sự nhưng cương quyết.
- Đặc biệt cảnh giác với các hành động của người lạ, sẵn sàng chống trả những hành động vũ lực của họ.
- Kiểm soát chặt chẽ các hành vi thái độ của người lạ không cho họ có cơ hội tẩu thoát.
5. Có xảy ra vụ việc ngoài mục tiêu
- Nếu phát hiện có vụ việc như xô xát, đánh nhau, đua xe, cờ bạcngoài mục tiêu nhân viên bảo vệ cần làm như sau:
- Thông tin cho toàn bộ nhân viên bảo vệ tại Mục tiêu biết được sự việc.
 - Chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.
 - Kiểm tra lại hoạt động của công cụ hỗ trợ.
 - Kiểm soát chặt chẽ các lối ra vào.
 - Không được nhìn ngó ra ngoài.
 - Tăng cường lực lượng ở các vị trí trọng yếu.
 - Không được rời vị trí khi không có yêu cầu (của ca trưởng, đội trưởng)
 - Phòng chống người lạ tràn vào Mục tiêu.
 - Phòng chống kẻ gian lợi dụng lúc lộn xộn đột nhập vào Mục tiêu.
 - Báo cho công an địa phương biết (bằng điện thoại).
 - Nếu có khả năng thì có thể giúp đỡ giải quyết vụ việc (rất hạn hữu)

BÀI 3 :CÁCH GHI CHÉP SỔ SÁCH, BIỂU MẪU LÀM BIÊN BẢN, LÀM BÁO CÁO.

A. CÁC LOẠI SỔ SÁCH, BIỂU MẪU.

I. SỔ SÁCH.

1. Sổ giao ca.
2. Sổ xuất –nhập
3. Sổ niêm phong(Biên bản đóng và mở niêm phong)
4. Sổ khách vào liên hệ công tác.
5. Sổ đăng ký đơn vị thầu phụ vào.

6. Sổ giao nhận bưu phẩm, thư báo.
7. Sổ công nhân đi làm trễ, về sớm.
8. Sổ theo dõi rác.

II BIÊN BẢN

1. Biên bản sự việc.
2. Biên bản thu hồi tang vật.
3. Biên bản phạm pháp quả tang.
4. Biên bản bàn giao người phạm tội quả tang.
5. Biên bản mất thẻ xe.

B. CÁCH GHI CHÉP SỔ SÁCH VÀ CÁCH LẬP BIÊN BẢN.

1. Hướng dẫn học viên cách ghi sổ cụ thể như thế nào theo form mẫu.
2. Cách lập từng loại biên bản.
3. Những mẫu biên bản cần lập.

BÀI 4: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ.

I. MỤC ĐÍCH.

Công cụ hỗ trợ được cung cấp cho nhân viên bảo vệ nhằm mục đích :

- Thể hiện được quy mô hoạt động của công ty và trình độ nghiệp vụ của nhân viên.
- Tăng cường khả năng chiến đấu cho nhân viên.
- Bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân viên và khách hàng.
- Bảo vệ sức khỏe của nhân viên.
- Giúp cho công việc được giải quyết nhanh chóng, linh hoạt.

II YÊU CẦU :

Xuất phát từ các Mục đích trên, yêu cầu các nhân viên bảo vệ phải :

- Sử dụng công cụ hỗ trợ đúng mục đích.
- Hiểu rõ cách sử dụng từng loại công cụ hỗ trợ.
- Phải biết bảo quản công cụ hỗ trợ.
- Không được đem công cụ hỗ trợ về nhà (trừ trường hợp đặc biệt).
- Nhận và bàn giao công cụ hỗ trợ cho người khác, phải kiểm tra chặt chẽ, rõ ràng
- Hàng tuần phải được kiểm kê bảo dưỡng.

III. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. Các loại công cụ hỗ trợ

Hiện tại, công ty trang bị cho các nhân viên bảo vệ khi thi hành nhiệm vụ bao gồm: Bộ Đàm, dùi cui sắt, dùi cui điện, dùi cui cao su, máy dò kim loại ,áo mưa,điện thoại,(nếu mục tiêu có)...Tuỳ thuộc vào sự phát triển của xã hội và yêu cầu của công việc, Công ty sẽ trang bị thêm nhiều loại công cụ hỗ trợ thích hợp,đáp ứng được tính chất ngày càng phức tạp của xã hội.

2 Bộ đàm: Bộ Đàm, pin,đế sạc pin.

a) Đối với bộ đàm

-Cách sử dụng:

- Ø Mở máy bằng nút vặn (có chỉnh âm lượng)
- Ø Bấm nút bên hông bộ đàm khi nói.
- Ø Không bấm nút bộ đàm khi nghe.
- Ø Sử dụng bộ đàm đúng mục đích, liên lạc thông tin trong công việc không nói chuyện thô tục trong bộ đàm.

– Cách Bảo quản :

- Ø Giữ sạch sẽ, khô ráo.
- Ø Giữ gìn quai đeo bộ đàm (dễ gãy)
- Ø Chú ý ăngten của bộ Đàm để rơi.
- Ø Luôn được nạp điện đầy đủ.
- Ø Không tháo, sửa chữa bộ đàm.
- Ø Không được điều khiển kênh tần số.
- Ø Không được làm rơi.
- Ø Không được mang về nhà (công cụ được nhà nước quản lý)
- Ø Bàn giao ca, phải kiểm tra cẩn thận về số lượng và chất lượng

b) Pin Bộ đàm :

-Cách sử dụng :

Ø Cung cấp năng lượng cho bộ đàm hoạt động. Khi hết điện Pin cần phải nạp điện. Pin ở phía sau bộ đàm có thể pin ra nạp (phần lớn không tháo pin ra chỉ để bộ đàm nạp trực tiếp vào để sạc.

– Cách bảo quản :

- Ø Giữ gìn sạch sẽ, khô ráo, không được làm rơi.
- Ø Tháo lắp nhẹ nhàng đúng khớp.

C) Để sạc pin bộ đàm :

– Cách sử dụng: Một đầu để sạc là cục Adaptor cắm vào nguồn điện sử dụng, đầu kia là để đặt pin hoặc cắm bộ đàm vào. Khi cắm điện bộ đàm sẽ được đặt vào trong đế cũ những lá thép kim loại tiếp giáp với đáy bộ đàm có 2 thanh kim loại để dòng điện chạy vào trong máy.

– Cách bảo quản :

- Ø Giữ gìn sạch sẽ, khô ráo, không được làm rơi.
- Ø Không tháo lắp di chuyển nhiều.
- Ø Không cuộn, gấp dây, làm đứt mạch điện.

– Yêu cầu :

- Ø Cắm đúng nguồn điện.
- Ø Đặt Pin bộ đàm nhẹ nhàng, đúng khớp, đúng chiều.
- Ø Là bộ phận dễ hỏng nhất trong hệ thống thông tin liên lạc nên phải cẩn trọng khi sử dụng.
- Ø Bàn giao ca phải kiểm tra tình hình hoạt động tốt, xấu như thế nào để báo cáo có hướng xử lý ngay.

3. Dùi cui điện :

a) Sử dụng : có hai chức năng thể hiện trên hai nút bấm

- 1 nút là còi hú – chức năng cảnh báo đối phương.
- 1 nút là đánh điện – chức năng tấn công đối phương.

Khi sử dụng, tay cầm vào cán dùi cui điện, phần này được bọc nhựa và phía trên có miếng bảo hiểm chống giật. Tùy vào từng trường hợp ta sử dụng hai chức năng trên. Khi ta tấn công đối phương thì bấm nút cho roi điện đánh điện và chạm đầu roi điện vào bất cứ nơi nào trên người đối phương đều có hiệu quả (thường vào bụng).

b) Bảo quản :

- Giữ gìn sạch sẽ, khô ráo không được để ẩm thấp.
- Không được làm đứt dây điện trên thân dùi cui, làm gãy hai đầu kim loại nhô ra ở trên đầu roi điện.
- Khi không sử dụng phải cho dây điện vào bao.

c) Yêu cầu :

– Tuyệt đối không được lạm dụng dùi cui điện (chỉ được sử dụng khi đối phương có đồng người tấn công hoặc khi cảm thấy không an toàn cho tính mạng người sử dụng)

- Không cho chạm roi điện đang đánh điện vào đầu đối phương, sẽ dễ dàng gây tử vong.
- Tay không được chạm vào bất cứ nơi nào trên roi điện ngoại trừ khu vực cán (để phòng roi điện có tích điện).
- Khi hết sử dụng phải cho đầu roi điện tiếp âm để dòng điện truyền hết ra ngoài.
- Không được mang về nhà (đây là dụng cụ được nhà nước quản lý)
- Phải luôn nạp điện đầy đủ để sẵn sàng công tác.
- Cục xạc pin roi điện được sử dụng và bảo quản như để xạc bộ đàm.
- Bàn giao ca phải kiểm tra cẩn thận (đặc biệt là chất lượng).

4. Dùi cui sắt :

a) Mô tả: Dùi cui sắt gồm có dùi cui và bao da để đeo vào người. Khi xếp lại thì dài khoảng 15 cm khi sử dụng dài khoảng 40 cm.

Có 2 phần: Thân dùi cui bằng thép không gỉ và tay cầm bên hông là thép bên ngoài bọc nhựa. Thân dùi cui có ba nấc có thể dài ra và xếp ngắn.

b) Sử dụng: Dùi cui được thiết kế như ăngten của ti vi, khi sử dụng thì phát mạnh tay, dùi cui sẽ dài ra và sử dụng như một cây đoản côn.

Không sử dụng thì xếp ngắn.

c) Bảo quản :

- Giữ gìn sạch sẽ.
- Không được đánh vào vật cứng làm cong dùi cui.
- Không sử dụng phải cho vào bao bảo quản.

d) Yêu cầu :

- Không được lạm dụng sử dụng dùi cui vào việc riêng, chỉ sử dụng trong trường hợp khẩn cấp, có thể gây thiệt hại đến tính mạng của người khác.
- Không được mang về nhà (trừ trường hợp đặc biệt)
- Bàn giao ca phải kiểm tra cẩn thận cả số lượng và chất lượng.

5. Dùi cui cao su.

a) Mô tả: Màu đen, đường kính khoảng 3 cm, dài khoảng 40 cm được chế tạo bằng nhựa dẻo, bên trong đặc.

b) Sử dụng : Như cây đoản côn.

c) Bảo quản: Lau chùi sạch sẽ, không được để ở nơi có nhiệt độ cao.

d) Yêu cầu :

- Sử dụng trong trường hợp khẩn cấp, không được lạm dụng sử dụng, không được mang về nhà.
- Không được va chạm và đánh vật cứng.
- Bàn giao ca phải kiểm tra cẩn thận về số lượng và chất lượng.

6. Máy rà kim loại :

a) Mô tả: Màu đen gồm 2 phần : Phần cán và phần thân dài khoảng 40 cm. Có 1 nút bấm để sử dụng khi kiểm tra đặt ở phần cán. Phần thân bề ngang 10cm, bên trong có hệ thống điện tử phát hiện kim loại.

b) Sử dụng: Dùng để kiểm tra người hoặc túi xách. Khi kiểm tra bấm nút ra xung quanh người, từ trên xuống hoặc từ dưới lên, phía trước, sau, bên hông. Mặt máy ra cách thân người khoảng 10 cm là thích hợp. Nếu người bị kiểm tra có mang theo kim loại trong người thì đèn sẽ nhấp nháy đỏ và có kêu tí tí

c) Bảo quản: Giữ gìn sạch sẽ, để nơi khô ráo.

d) Yêu cầu :

- Khi kiểm tra, máy được lướt qua người với tốc độ chậm.
- Tránh va chạm mạnh, chú ý nghe tiếng còi.
- Thái độ người kiểm tra phải tỏ ra lịch sự, nhã nhặn.
- Giao ca phải kiểm tra cẩn thận số lượng và chất lượng.

7. Còi :

a) Sử dụng :Chỉ sử dụng khi nhân viên bảo vệ đứng cách xa người cần được kiểm tra, báo hiệu lệnh ngăn chặn họ, để đến gần kiểm tra.

b) Bảo dưỡng: Lau chùi hằng ngày, giữ gìn khô ráo.

c. Yêu cầu: Thổi còi phải to, rõ ràng, dứt khoát.

8.Đèn Pin :

a) Sử dụng: Dùng để tuần tra ban đêm, ở những khu vực có hệ thống chiếu sáng kém.

b) Bảo dưỡng :

– Lau chùi, giữ gìn sạch sẽ, để những khu vực khô ráo.

– Kiểm tra chất lượng pin.

c)Yêu cầu:

– Luôn luôn giữ ở tình trạng tốt.

– Lắp bóng đúng theo từng chủng loại.

– Tránh va chạm mạnh.

– Bàn giao ca phải kiểm tra cẩn thận.

9 Aó Mưa.

a) Sử dụng :Khi trời mưa.

b)Bảo quản :

– Sau khi sử dụng rửa sạch sẽ.

– Để khô ráo mới được gấp cất.

– Tránh va chạm mạnh vào các vật sắc nhọn.

Tóm lại :

Để nâng cao nghiệp vụ bảo vệ của mình, trước hết cán bộ – nhân viên thuộc khối bảo vệ phải nắm chắc các phương pháp bảo vệ, đồng thời phải biết cách xử lý các tình huống khi gặp phải và phương thức sử dụng một số loại công cụ hỗ trợ trong công tác.

CHƯƠNG III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN TỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ

Nghiên cứu và tìm hiểu pháp luật để làm đúng những quy định của pháp luật là yêu cầu hết sức cần thiết đối với lực lượng bảo vệ

Luật pháp Việt Nam ngày càng hoàn thiện để đáp ứng công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa.

Trong công tác bảo vệ thường ngày chúng ta thường gặp những vụ việc liên quan đến Bộ luật tố tụng hình sự và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự.

I. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ, BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VÀ PHÁP LỆNH TỔ CHỨC ĐIỀU TRA HÌNH SỰ CÓ LIÊN QUAN TỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ.

A. Nhiệm vụ của Bộ luật hình sự :

Nhiệm vụ cơ bản của Bộ luật hình sự là nhằm bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà Nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo vệ trật tự pháp luật XHCN chống mọi hành vi phạm tội đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Bộ luật hình sự quy định tội phạm và hình phạt đối với người phạm tội, chỉ một người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt do tố án quyết định.

1. Tội phạm :

– Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ Quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế nền văn hóa, quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản các quyền lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật XHCN.

– Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi được quy định trong bộ luật này. Tội phạm được phân thành: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

+ Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt này đối với tội ấy là đến ba năm tù.

+ Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất cho khung hình phạt này đối với tội ấy là bảy năm tù.

+ Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất cho khung hình phạt ấy là mười năm tù.

+ Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mức cao nhất của khung hình phạt này đối với tội ấy là trên mười năm tù, chung thân hoặc tử hình.

– Những hành vi tuy có dấu hiệu phạm tội, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác.

Một số hành vi sau đây không phải là tội phạm :

– Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội do sự kiện bất ngờ, tức là trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó (điều 11 bộ luật hình sự 1999)

– Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng điều khiển hành vi của mình. Đối với người này phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

– Phòng vệ chính đáng: là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

– Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Hành vi gây thiệt hại cấp thiết không phải là tội phạm

– Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện phạm tội đến cùng, tuy không có gì ngăn cản (Nếu hành vi đó thực tế đã được thực hiện có đủ yếu tố của một tội phạm khác thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này).

Những hành vi sau đây phải coi là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự .

Người phạm tội nhận thức rõ về hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hành vi đó xảy ra, hoặc thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn cố ý thực để mặc cho hậu quả xảy ra (cố ý phạm tội).

Người phạm tội tuy thấy trước được hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.

Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó (vô ý phạm tội)

Người phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (là hành vi) chống trả rõ ràng quá mức cần thiết không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đã phải chịu trách nhiệm hình sự.

Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện trên.

Người cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt được mục đích phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt được mục đích.

Người nào sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che dấu tội phạm, các dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi cản trở việc phát hiện điều tra, xử lý người phạm tội.

Người nào biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang thực hiện và không tố giác

Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột vợ hoặc chồng của người phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh hoặc các tội đặc biệt nghiêm trọng.

Người cùng thực hiện tội phạm hoặc những kẻ thừa hành, xúi dục, tổ chức, giúp sức.

2. Hình phạt:

Khái niệm: Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước nhằm tước bỏ hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong bộ luật hình sự và do tòa án quyết định.

Mục đích: Hình phạt không chỉ nhằm mục đích trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống XHCN, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung :

Hình phạt chính: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình.

Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất khi không áp dụng là hình phạt chính.

Khi sử dụng phạt không quá 5 năm căn cứ vào nhân thân người phạm tội về tình tiết giảm nhẹ nếu không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù thì tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 1 đến 5 năm. Án treo không phải là hình phạt.

B. Bộ luật tố tụng hình sự:

1 > Nhiệm vụ:

Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng và của cơ quan Nhà Nước, tổ chức xã hội và công dân nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Bộ luật góp phần bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ các quyền và lợi ích của công dân, giáo dục công dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và tôn trọng quy tắc của cuộc sống.

Khi tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo vệ tính mạng và sức khỏe, tài sản, danh dự và nhân phẩm của công dân, đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn về bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

Không ai có thể được coi là có tội nếu chưa có bản án kết tội đã có hiệu lực của Tòa án.

Trước tòa án người tham gia tố tụng đều có quyền bình đẳng, bị can, bị cáo được đảm bảo quyền bào chữa. Bộ luật còn đảm bảo quyền khiếu nại và quyền tố cáo của công dân đối với các hoạt động của cơ quan tố tụng.

2. Chứng cứ :

Là những gì có thật được thu thập theo trình tự do Bộ luật tố tụng hình sự quy định mà cơ quan điều tra, Viện kiểm soát, Tòa án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như tình tiết khác cần thiết cho việc xử lý đúng đắn vụ việc.

Chứng cứ được xác định bằng:

Vật chứng: là những vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết phạm tội, vật là đối tượng của tội phạm cũng như tiền bạc và những vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người bị buộc tội.

Lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn và bị đơn dân sự, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Kết luận giám định.

Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu khác.

3. Quy định quyền ra lệnh bắt và khám xét ;

Theo quy định về luật tố tụng hình sự thì việc ra lệnh bắt khám xét được quy định trong 3 trường hợp

+ Bắt khám xét người, nhà ở, đồ vật, thư tín trong trường hợp bình thường

+ Bắt khám xét người, nhà ở, đồ vật, thư tín trong trường hợp khẩn cấp.

+ Bắt khám xét người trong trường hợp quả tang.

Chỉ có những người sau đây mới có quyền ra lệnh bắt và khám xét người trong mọi trường hợp :

+ Viện trưởng và phó viện trưởng viện kiểm sát nhân dân và viện kiểm sát Quân sự các cấp.

+ Chánh án, phó chánh án Tòa án nhân dân và Tòa án Quân sự các cấp.

+ Thẩm phán tòa án nhân dân Tỉnh hoặc Tòa án Quân sự cấp quân khu trở lên chủ tọa phiên tòa.

+ Trưởng phó công an cấp huyện, thủ trưởng, thủ phó cơ quan điều tra cấp tỉnh hoặc cấp quân khu trở lên. Trong trường hợp này lệnh bắt phải được viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phê chuẩn trước khi thực hiện.

Bắt người và khám xét khẩn cấp chỉ được tiến hành với 1 trong 3 trường hợp sau

+ Khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

+ Khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm, chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay người đó trốn.

+ Khi có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đi trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

Chỉ có những người sau đây có quyền ra lệnh bắt khẩn cấp:

+ Trưởng phó công an cấp Huyện, Thủ trưởng, phó Thủ trưởng cơ quan điều tra cấp quân khu và cấp tỉnh trở lên.

+ Người chỉ huy các đơn vị quân đội độc lập, cấp trung đoàn, người chỉ huy bộ đội biên phòng ở hải đảo hoặc biên giới.

+ Người chỉ huy máy bay tàu biển, khi máy bay tàu biển rời khỏi sân bay, bến cảng.

Trong trường hợp bắt khẩn cấp phải báo ngay cho viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cùng cấp biết bằng văn bản để xét phê chuẩn. Nếu viện kiểm sát không phê chuẩn thì phải trả tự do ngay cho người bị bắt.

Đối với người phạm tội quả tang thì bất cứ người nào cũng có quyền bắt và tước vũ khí của người bị bắt và giải ngay tới cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc UBND nơi gần nhất.

CHƯƠNG IV NẮM VỮNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC BẢO VỆ.

Nghiên cứu và tìm hiểu pháp luật để làm đúng những quy định của pháp luật là yêu cầu hết sức cần thiết đối với lực lượng bảo vệ.

Luật pháp Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện để đáp ứng công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa.

Trong công tác hằng ngày của lực lượng bảo vệ chúng ta thường gặp những vụ việc liên quan đến bộ Luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự.

I. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ, BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VÀ PHÁP LỆNH TỔ CHỨC ĐIỀU TRA HÌNH SỰ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC BẢO VỆ.

A: Nhiệm vụ của bộ luật hình sự.

Nhiệm vụ cơ bản của bộ luật hình sự là nhằm bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công nhân tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật XHCN chống mọi hành vi phạm tội đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân thủ theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm

Bộ luật hình sự quy định tội phạm và hình phạt đối với người phạm tội. Chỉ người nào phạm một tội đã được bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt do tố án quyết định

1. Tội Phạm :

– Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm tự do, tài sản, các quyền, lợi ích, hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật XHCN.

– Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi được quy định trong bộ luật này . Tội phạm được chia thành :Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt này đối với tội ấy là đến 3 năm tù.

Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội, mức cao nhất của khung hình phạt này đối với tội ấy là đến 7 năm tù giam.

Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mức cao nhất của khung hình phạt này đối với tội ấy là đến 15 năm tù giam.

Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mức cao nhất của khung hình phạt này đối với tội ấy là đến 15 năm tù giam, chung thân hoặc tử hình

– Những hành vi tuy có dấu hiệu phạm tội, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác.

Một số hành vi sau đây không phải là tội phạm :

– Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội do sự kiện bất ngờ, tức là trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó (điều 11 bộ luật hình sự 1999).

– Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Đối với người này phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- Phòng vệ chính đáng: Là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà Nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người cố hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.
- Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà Nước, của tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.
- Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện phạm tội đến cùng, tuy không có gì ngăn cản (nếu hành vi đã thực tế đã được thực hiện có đủ yếu tố của một tội phạm khác thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này).
- Những hành vi sau đây phải coi là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự
 - Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hành vi đó xảy ra, hoặc thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra (cố ý phạm tội).
 - Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.
 - Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó (vô ý phạm tội).
 - Người phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác.
 - Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (là hành vi) chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm phạm
 - Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đó thì phải chịu trách nhiệm hình sự.
 - Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện.
 - Người cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chưa đạt.
 - Người nào sau khi biết tội phạm được thực hiện, đã che dấu tội phạm, các vết dấu, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội.
 - Người nào biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực hiện hoặc đã thực hiện và không tố giác.
 - Người không tố giác là ông bà, cha mẹ, con cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh hoặc các tội đặc biệt nghiêm trọng.
 - Người cùng thực hiện tội phạm hoặc những kẻ thừa hành, xúi dục, tổ chức, giúp sức.
- 2. Hình phạt :
 - Khái niệm : Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà Nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong bộ luật hình sự do tổ án quyết định.
 - Mục đích: Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị những người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội

II) NĂM VỮNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ

1 .Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ:

– Trước hết phải hiểu, nắm vững và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật Nhà Nước, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đơn đốc mọi người nơi mình công tác thi hành luật pháp, tuyên truyền để mọi người hiểu, sống và làm việc theo pháp luật.

– Giúp chủ quản đề ra chế độ, nội quy, quy chế, biện pháp nhằm bảo vệ an tồn Mục tiêu.

– Đối với các trường hợp vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế của chủ quản, nhân viên bảo vệ phải có ý kiến đề xuất xử lý nghiêm minh, tạo môi trường tốt trong việc tôn trọng pháp luật tại mục tiêu.

– Ngồi ra bảo vệ phải phối hợp với cơ quan chức năng để tiến hành tố tụng hình sự; tố giác và báo tin về tội phạm; bảo vệ tốt hiện trường.

2) Việc bắt giữ quả tang người phạm tội:

– Điều 6 Nghị định 223/HĐNT, ngày 19/06/1990 của Hội Đồng Bộ Trưởng (nay là Chính Phủ) đã quy định bảo vệ có nhiệm vụ, quyền hạn “Bắt giữ và lập biên bản với những người có hành động phạm tội quả tang, xâm phạm an ninh bí mật tài sản và trật tự của cơ quan xí nghiệp dẫn giải đến cơ quan công an để xử lý.

– Thế nào là phạm tội quả tang.

Phạm tội quả tang là trường hợp phạm tội dĩ đủ chứng cứ rõ ràng, bất cứ công dân nào trong thấy cũng biết dĩ là hành vi phạm tội, không cần phải qua điều tra, nghiên cứu lâu dài mới xác định được là phạm tội.

CHƯƠNG V CÔNG TÁC TUẦN TRA – CANH GÁC.

A. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:

1) Mục đích cơ bản của công tác tuần tra – canh gác: Đảm bảo an ninh, trật tự cho mục tiêu trong mọi tình huống và không làm ảnh hưởng đến mọi hoạt động bình thường của cán bộ, công nhân viên trong công tác cũng như trong sinh hoạt.

2) Yêu cầu:

– Nghiên cứu, nắm vững mọi tình hình trong mục tiêu có liên quan đến công tác bảo vệ.

– Quản lý và nắm các diễn biến của các đối tượng cần chú ý, việc chấp hành nội quy bảo vệ cơ quan, bảo vệ tài sản, bảo vệ bí mật.

– Nắm rõ tình hình an ninh – trật tự và những hoạt động tại mục tiêu.

– Điều tra cơ bản, nắm địa hình, địa vật, những khu vực trọng yếu, những nơi sơ hở dĩ khả năng kẻ gian đột nhập, những hiện tượng không bình thường, những nơi trọng điểm cần tăng cường tuần tra, canh gác, phát hiện, ngăn chặn bọn lưu manh, trộm cắp xâm nhập mục tiêu.

– Phải nắm và từng bước nhớ mặt cán bộ, công nhân viên tại mục tiêu.

– Phải biết tên, biết mặt những người có trách nhiệm, những người thường xuyên ra vào làm việc, giao dịch với mục tiêu.

– Nắm đặc điểm các loại phương tiện của công nhân cũng như của chủ quản tại mục tiêu.

– Nắm vững các loại giấy tờ, căn cước lưu hành dĩ lại trong quan hệ công tác cũng như các giấy tờ, biểu mẫu do mục tiêu ban hành.

– Nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách pháp luật, nội quy, quy chế tại mục tiêu dĩ liên quan tới công tác bảo vệ.

B) NHỮNG VIỆC PHẢI LÀM KHI THỰC HIỆN TUẦN TRA – CANH GÁC.

I) TỔ CHỨC CANH GÁC – TUẦN TRA.

1) Nhiệm vụ của người canh gác.

a) Mở đóng cổng, kiểm soát giấy tờ ra vào mục tiêu, đăng ký sổ sách, hướng dẫn giải quyết người ra vào mục tiêu.

b) Kiểm soát phương tiện, đồ vật, hành lý của mọi người khi ra vào mục tiêu, nếu phát hiện có nghi vấn thì được yêu cầu kiểm tra, dĩ dấu hiệu phạm pháp thì có quyền tạm giữ dĩ làm rõ, phát hiện phạm tội quả tang thì lập biên bản, báo cáo ngay lãnh đạo và Công An.

c) Quan sát phát hiện và tạm giữ những người lạ mặt trà trộn trong cán bộ, công nhân viên tại Mục tiêu để xác minh làm rõ.

d) Tổ chức giữ gìn trật tự, phát hiện ngăn chặn những phần tử có hành động đập phá, gây rối trật tự trong mục tiêu, sẵn sàng huy động lực lượng chiến đấu và giải quyết với các hành vi biểu tình, đình công, bãi công hay tập kích phá hoại từ bên ngoài vào.

2) Nhiệm vụ của người tuần tra.

a) Tiến hành tuần tra bên trong và bên ngoài hàng rào của Mục tiêu để phát hiện và bắt giữ và lập biên bản những người có hành động chui, leo tường vào Mục tiêu hoặc từ Mục tiêu ra ngoài.

b) Phát hiện và ngăn chặn những người có hành vi phạm tội như: Phá hoại, trộm cắp tài sản, gây rối làm mất trật tự tại Mục tiêu hoặc có những hành động mang tính chất chính trị như: Rải truyền đơn, vẽ khẩu hiệu phản động....Phát hiện những sự cố máy móc, thiết bị cháy nổ, những hiện tượng không bình thường, không an toàn.

c) Tổ chức phục kích, bắt bớ có hành vi phạm tội, sẵn sàng chiến đấu chống các hoạt động vũ trang, tập kích, phá hoại...

3) Thực hiện canh gác – tuần tra.

a) Trước khi canh gác, tuần tra:

– Gần đến giờ đi làm nhiệm vụ canh gác, tuần tra phải giải quyết mọi sinh hoạt cá nhân, trang phục gọn gàng, chỉnh tề, mang theo những trang bị cần thiết (Công cụ hỗ trợ, phương tiện thông tin...)

– Nắm vững nhiệm vụ canh gác, địa điểm, đường đi tuần tra, trọng điểm tuần tra, thời gian làm nhiệm vụ, mật khẩu, ấn hiệu và các phương pháp báo cáo khi có sự việc xảy ra.

b) Khi đứng gác:

– Chọn vị trí thích hợp để quan sát, kiểm soát chặt chẽ người và phương tiện ra vào Mục tiêu. Không nên đứng liên tục ở vọng gác vì sẽ hạn chế việc quan sát, khi phát hiện tình hình, dễ sơ hở nhất là canh gác vào ban đêm.

– Khi gác phải tập trung nghe ngóng, phát hiện tình hình, nên di chuyển theo các vị trí tùy chọn, không đi quá vị trí gác 5 mét. Tư thế, tác phong đứng đắn, nhã nhặn khi tiếp xúc với mọi người.

– Quan sát, nghe ngóng, phát hiện tình hình, kết hợp mắt nhìn, tai nghe, từ gần ra xa, từ thấp lên cao, hướng chính diện và hai bên. Tùy theo địa hình và địa vật, thời tiết, ánh sáng để áp dụng tư thế gác cho phù hợp.

– Giám sát, kiểm soát người và phương tiện ra vào mục tiêu, xem xét kỹ giấy tờ, thẻ nhân viên, giấy chứng nhận ra vào, vận chuyển hàng hóa, vật tư, số lượng, thời gian, chữ ký, con dấu. Nếu có người đến công tác hoặc thăm người thân thì mời họ vào phòng trực, xem giấy tờ, đăng ký vào sổ trực, hướng dẫn và giải quyết theo yêu cầu của họ, nếu phát hiện có nghi vấn thì báo cáo ngay cho người có trách nhiệm (Đội trưởng, phòng hành chính, phòng nhân sự...) để kịp thời giải quyết.

c) Khi tuần tra

– Trao đổi mọi diễn biến tình hình ca trước cho ca sau, khi bàn giao với nhau phải nói nhỏ đủ nghe để giữ bí mật. phải quan sát phần tử xấu, lợi dụng lúc bàn giao để xâm nhập Mục tiêu.

– Khi bàn giao phải ghi chép rõ ràng, cụ thể và ký nhận dụng cụ, công cụ, sổ sách và những vấn đề cần chú ý khi tuần tra canh gác.

4) CÁCH SỬ LÝ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP XẢY RA KHI TUẦN TRA, CANH GÁC

a) Xảy ra khi canh gác

+ Trường hợp 1: khi phát hiện người lạ mặt dùng giấy tờ giả mạo lợi dụng việc ra vào của cán bộ công nhân viên để vào Mục tiêu.

– Cách giải quyết: Thái độ nhã nhặn mời họ vào phòng trực, báo cho người phụ trách tới giải quyết. Trong khi chờ phải chú ý quan sát diễn biến, thái độ, đề phòng đối tượng hành hung chạy trốn.

+ Trường hợp 2: Khi kiểm soát những người cũ biểu hiện nghi vấn nhưng không phát hiện thấy gì hoặc vi phạm chưa tới mức sử lý .

+ Cách giải quyết: giải thích cho họ hiểu rõ, thông suốt với nhiệm vụ, trách nhiệm của mình, tránh có thái độ cáu gắt, lời nói xúc phạm đến họ, kể cả lúc họ nóng nảy hoặc xúc phạm đến mình.

– Nếu vi phạm đến mức xử lý thì giải thích cho họ thấy rõ thiếu sót, khuyết điểm, không được tái phạm.

+ Trường hợp 3: Phát hiện người ngồi đột nhập, hoặc công khai tấn công Mục tiêu trong phạm vi canh gác của bảo vệ.

-Cách giải quyết: nếu là bọn lưu manh trộm cắp đột nhập vào Mục tiêu thì nhanh chóng bao vây, tìm cách bắt giữ (nhanh chóng đóng cổng, bịt đường thoát, báo động huy động lực lượng, dùng cảm truy bắt, tước vũ khí.)

+ Trường hợp 4: phát hiện thấy phần tử xấu hoặc quần chúng chậm tiến kích động tụ tập kéo đến đòi yêu sách, gây rối trật tự.

– Cách giải quyết: nhanh chóng đóng chặt cổng, thông báo cho người có trách nhiệm, nếu khẩn cấp thì báo cáo trực tiếp cho chủ Mục tiêu, đồng thời báo cho công an sở tại nơi gần nhất biết để phối hợp giải quyết.

– Khi họ đến cổng thì yêu cầu họ dừng lại, với thái độ bình tĩnh hỏi họ có việc gì ? cần gặp ai? Đề nghị họ chờ và báo cho người cũ trách nhiệm ra giải quyết. đồng thời báo đội trưởng huy động thêm lực lượng tập trung giữ trật tự, kiên quyết không cho họ xông vào khi chưa có ý kiến của người có trách nhiệm. Chú ý quan sát những người cũ hành động, lời nói kích động (người cầm đầu), đặc biệt chú ý những người có mang vũ khí .

b) Xảy ra khi tuần tra

+ Trường hợp 1: phát hiện người đã và đang chui, chèo vào hoặc ra có nghi vấn

– Cách giải quyết: nhanh chóng đến cự ly thích hợp, hô to “ ĐỨNG LẠI”. Nếu họ tuân theo đứng lại thì khám xét và thu hồi vũ khí nếu có, dẫn giải họ cùng tang vật (nếu có) về phòng trực để hỏi, lập biên bản báo cáo ngay cho đội trưởng biết.

– Ban đêm trước khi truy hô, cảnh cáo, phải nhanh chóng chiếm lĩnh địa hình có lợi. Khi dẫn giải về phòng kẻ gian chạy trốn.

– Nếu kẻ gian không đứng lại thì kiên quyết truy đuổi (nếu thấy đủ điều kiện truy đuổi được). Nếu kẻ gian chạy trốn bỏ lại tang vật thì lập biên bản thu hồi, báo cáo cho người có trách nhiệm biết.

+Trường hợp 2: phát hiện thấy có người có hành động phá hoại, trộm cắp quả tang trong Mục tiêu.

– Cách giải quyết: nếu phát hiện người phá hoại bằng chất nổ, chất cháy phải hành động dùng cảm khẩn trương bắt giữ thủ phạm, đồng thời tiến hành biện pháp ngăn chặn không cho sự việc xảy ra. Dẫn giải ngay thủ phạm cùng tang vật về phòng trực, báo người phụ trách đến giải quyết và lập biên bản, sau đó dẫn giải đến cơ quan công an.

– Trường hợp phá hoại đã xảy ra mà không phát hiện, không bắt giữ được thủ phạm thì phải bảo vệ nguyên hiện trường và làm các biện pháp khẩn cấp, nắm tình hình và báo cho người phụ trách đến giải quyết.

– Trường hợp phát hiện người đang trộm cắp, phải tổ chức bắt thủ phạm và tang vật lấy cắp rồi dẫn giải thủ phạm về phòng trực, báo cho người phụ trách đến giải quyết.

– Trường hợp phát hiện thấy truyền đơn, khẩu hiệu phản động như: rải, dán, viết lên tường thì phải giữ nguyên hiện trường báo cho người phụ trách đến để báo cho cơ quan công an đến giải quyết. Cố gắng tìm cách che chắn và cố gắng ngăn chặn không cho nhiều người đến nơi xảy ra sự việc làm xáo trộn hiện trường và tác động xấu tới tâm lý

o TÓM LẠI

Muốn công tác tuần tra được tốt cần phải làm tốt các công tác điều tra cơ bản, nắm chắc địa bàn, có các phương án, kế hoạch cụ thể, nắm chắc các quy định của pháp luật, nội quy chế độ của Mục tiêu.

CHƯƠNG VI

CÔNG TÁC BẢO VỆ HIỆN TRƯỜNG

PHẦN I : KHÁI NIỆM VÀ MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

Khái niệm

Thuật ngữ hiện trường từ lâu đã được dùng trong đời sống và xã hội và đã trở thành một thuật ngữ khoa học. Trong một số lĩnh vực, hiện trường dùng để chỉ nơi xảy ra hoạt động thực tiễn.

Ví dụ: Tại một công trường nào đó người ta cũng hay sử dụng thuật ngữ hiện trường.

Khái niệm hiện trường trong tố tụng hình sự.

Hiện trường là một không gian nhất định, đó là nơi xảy ra quá trình gây án (bao gồm: nơi chuẩn bị tiến hành, che dấu hành vi tội phạm), nơi phát hiện ra dấu vết, vật chứng liên quan tội phạm.

Như vậy, luật tố tụng quy định hiện trường là nơi phải xảy ra tội phạm (Điều 125 Bộ luật Hình Sự).

Tuy nhiên trong thực tiễn điều tra hình sự, quá trình xác định một vụ việc có phải là tội phạm hay không, thường xuất phát từ nguồn tin ban đầu chưa đầy đủ cho phép đặt nhiều giả thiết khác nhau về tính chất vụ việc.

Ví dụ: xác định một người chết, chúng ta chưa xác định chết do tự sát, án mạng hay bệnh lý,.....

Qua công tác điều tra hiện trường (Khám nhiệm hiện trường, khám nhiệm tử thi, truy xét,...) bổ xung những chứng cứ, thông tin mới, xác định các yếu tố cấu thành tội phạm.

* Như vậy, trong điều tra hình sự có một số việc do chưa có đủ những thông tin ban đầu để xác định tính chất của vụ việc và hiện trường của những vụ việc này chưa thể khẳng định được là nơi xảy ra tội phạm. Vì vậy khái niệm hiện trường có nội dung rộng lớn hơn trong tố tụng hình sự.

Khái niệm hiện trường trong khoa học hình sự.

Hiện trường là một không gian nhất định, đó là nơi xảy ra, nơi phát hiện vụ việc mang tính hình sự.

Hiện tượng vật chất xảy ra, không gian hiện trường bao gồm:

+ Những hành vi phạm tội được quy định trong luật Hình Sự.

+ Những vụ việc xâm hại tới khách thể được bộ luật Hình Sự bảo vệ, song chưa thể xác định được các yếu tố cấu thành tội phạm (Ví dụ: Các vụ cháy nổ, sự cố kỹ thuật, chết người không tự nhiên,...mà có thể không do hành vi phạm tội gây ra).

Trong điều tra hình sự, căn cứ vào vụ việc mang tính hình sự có thể phân loại một số hiện trường sau đây:

Hiện trường chết người không tự nhiên.

Hiện trường cháy,

Hiện trường sự cố kỹ thuật.

Hiện trường phát hiện tài liệu phản động.

Hiện trường tai nạn.

Hiện trường trộm cắp.

Hiện trường nổ.

Hiện trường cướp.

Hiện trường hiếp dâm.

Ở mỗi loại hiện trường có thể chia thành nhiều loại hiện trường: Ví dụ: hiện trường chết người do đạn, chết dưới nước, chết treo cổ, chết do ngộ độc,...

Trong thực tế còn có khái niệm hiện trường giả. Đó là hiện trường do thủ phạm cố ý gây ra, thêm những dấu vết hoặc thay đổi để đánh lạc hướng điều tra của Công An. hoặc thủ phạm che dấu hành vi phạm tội của mình bằng cách tạo ra một hiện trường với những dấu vết giả.

Ngòi tất cả những hiện trường trên, còn có khái niệm hiện trường nguyên vẹn, sáo trộn, chính phụ.

2) Mục đích, yêu cầu của công tác bảo vệ hiện trường:

2.1 Mục đích.

– Bảo vệ hiện trường là công tác bảo vệ hiện trường, ngăn ngừa nhưng tác động làm thay đổi tình trạng hiện trường nói chung, dấu vết và vật chứng nói riêng cũng như ghi nhận những thông tin về thay đổi hiện trường có liên quan đến vụ việc xảy ra.

– Về nguyên tắc, bất kỳ hiện trường nào cũng cần được bảo vệ nhằm đảm bảo điều kiện cần thiết cho công tác điều tra đạt kết quả tốt, vì chính ở hiện trường tồn tại những dấu vết, vật chứng phản ánh sự tác động qua lại giữa nạn nhân với thủ phạm, giữa nạn nhân với môi trường xung quanh.

– Việc phát hiện những chứng cứ vật chất này là cơ sở khách quan để xác định diễn biến của vụ án. Trong thực tế có nhiều vụ án bế tắc là do công tác bảo vệ hiện trường kém, không đạt yêu cầu dẫn đến hiện trường bị xáo trộn, dấu vết bị phá hủy.

Có hai nguyên nhân chính gây nên sự thay đổi hiện trường.

Do con người:

Sự tị mị hoặc hoạt động thiếu hiểu biết của những người có mặt tại hiện trường, những hoạt động cứu chữa, cấp cứu, truy bắt thủ phạm, hay những hoạt động bắt buộc không thể trì hoãn được của sản xuất, giao thông. Những hoạt động của thủ phạm nhằm xóa dấu vết, vật chứng.

Do các yếu tố khác tác động:

Thiên nhiên: mưa, nắng, gió, bão, nhiệt độ,...

Sự tự hủy hoại của dấu vết theo thời gian, do quá trình Oxy hóa, thời rửa.

Do các loại động vật: Chuột, bò, kiến, con trùng,....

2.2 Yêu cầu:

Việc nhanh chóng tổ chức bảo vệ hiện trường là yêu cầu cấp thiết để loại trừ hoặc làm giảm thiểu tác động của các yếu tố đã nêu trên vào hiện trường nói chung và dấu vết, vật chứng nói riêng.

Song song với công tác bảo vệ hiện trường, chúng ta phải làm một số động tác khẩn cấp khác đó là:

Cấp cứu nạn nhân, ngăn chặn những nguy hiểm có thể xảy ra.

Bảo vệ các đồ vật có giá trị.

Bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội khu vực hiện trường.

Truy bắt thủ phạm: có nghĩa là vừa bảo vệ hiện trường, vừa tạo điều kiện để thực hiện các biện pháp khẩn cấp.

PHẦN II: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÔNG TÁC BẢO VỆ HIỆN TRƯỜNG

Quan sát, xác định phạm vi hiện trường cần được bảo vệ:

Phạm vi hiện trường cần được bảo vệ bao gồm: Những nơi có thể để lại dấu vết, vật chứng do thủ phạm để lại. Đặc biệt lưu ý đường ra vào của thủ phạm. Phạm vi bảo vệ phụ thuộc vào những điều kiện cụ thể về vị trí, tính chất, quy mô của vụ việc.

Giữ nguyên trạng hiện trường:

Không được vào hiện trường, trừ khi phải tiến hành các biện pháp khẩn cấp (cấp cứu, chữa cháy, di chuyển,...)

Không được mang theo đồ dùng cá nhân hoặc bất kỳ vật gì vào hiện trường.

Không được mang bất kỳ vật gì ra khỏi hiện trường, trừ việc cứu người, tài sản nhưng phải có biên bản ghi nhận đầy đủ.

Không được thay đổi, sờ nắm vào các đồ vật trong hiện trường.

Không ăn uống, hút thuốc trong khu vực hiện trường.

Khi phải vào hiện trường, cần chú ý:

+ Hạn chế số lượng người và vật vào hiện trường, phải thực sự cần thiết mới vào.

+ Chỉ bước vào những nơi ít để lại dấu vết và phải đánh dấu những lối đã đi qua.

Không được sử dụng vòi nước, nhà vệ sinh.

Không làm vệ sinh như: lau rửa, quét dọn khu vực hiện trường.

Phải rào, chắn đối với hiện trường rộng lớn, phức tạp. Đồng thời phải kiểm soát chặt chẽ người ra vào.

Phối hợp với các lực lượng khác để giải quyết việc ùn tắc xe, giải tán đám đông.

Không bỏ nhiệm vụ đi nơi khác, làm việc khác khi bảo vệ hiện trường.

Giữ gìn trật tự, đảm bảo yên tĩnh cho lực lượng điều tra làm nhiệm vụ.

Bảo vệ dấu vết, vật chứng.

Bảo vệ dấu vết, vật chứng là nhiệm vụ quan trọng của công tác bảo vệ hiện trường. Mọi biện pháp được tiến hành trong toàn bộ quá trình bảo vệ hiện trường đều nhằm mục đích bảo vệ các dấu vết, vật chứng tồn tại ở hiện trường, tránh mọi tác động hay nguy cơ bị phá hủy.

Ngồi những biện pháp kể trên, cần phải thực hiện một số biện pháp để bảo vệ dấu vết cũ nguy cơ bị phá hủy. Ví dụ: Dùng nilong, phen tre, mũ, nỉ... để rào chắn, che đậy dấu vết.

Lưu ý: Không để vật che tiếp xúc dấu vết.

Nếu có thể di chuyển dấu vết tới nơi an toàn (Trường hợp cháy, nổ) nhưng phải đánh dấu vị trí, trạng thái của nó. Trường hợp này hết sức hạn chế (Việc thu dọn dấu vết là nhiệm vụ của Công An).

Đối với hiện trường bị xáo trộn (Cấp cứu, cháy,...) Vẫn phải bảo vệ hiện trường.

Phải bảo vệ dấu vết, nguồn hơi để sử dụng chôn cất.

Trong trường hợp phạm pháp quả tang, thủ phạm đã bị bắt, vẫn phải bảo vệ hiện trường để công an tiến hành khám nghiệm, thu thêm dấu vết phục vụ cho việc xác lập chứng cứ.

Ghi nhận những tin tức có liên quan đến vụ việc.

Lực lượng bảo vệ hiện trường là những người cũ điều kiện quan sát và nắm vững được những tin tức quan trọng của sự việc, vì họ là những người đầu tiên có mặt tại hiện trường.

Những thông tin cần ghi lại để tiến hành cung cấp cho Công An là:

Tên, địa chỉ nạn nhân, những ai đưa nạn nhân đi cấp cứu, nơi cấp cứu ở đâu.

Tên địa chỉ của tất cả những người có mặt tại hiện trường, trước, trong và sau khi xảy ra sự việc.

Phải nắm được tình trạng hiện trường, trước khi tiến hành các biện pháp khẩn cấp và những thay đổi sau đó.

Điều kiện thời tiết (Mưa, nắng, gió, nhiệt độ trước, trong và sau khi xảy ra sự việc).

Thu thập những hiện tượng đáng chú ý có liên quan đến vụ việc, nếu có phải xác định ngày tên tuổi, địa chỉ những người có biên hiện nghi vấn.

Trường hợp khám nghiệm hiện trường trong nhiều ngày thì việc bảo vệ hiện trường phải liên tục, không được ngắt quãng. Công việc bảo vệ hiện trường chỉ kết thúc khi có lệnh của trưởng ban điều tra.

PHẦN III: NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI CẦN BẢO VỆ MỘT SỐ LOẠI HIỆN TRƯỜNG.

Hiện trường có người chết hoặc bị thương.

Nếu có người bị thương thì khẩn trương đưa đi cấp cứu, đồng thời ghi nhận lại tư thế, vị trí, trạng thái lúc phát hiện (Dùng phấn vẽ, ghi chép).

Đối với trường hợp nạn nhân đang ở trạng thái treo cổ. Nếu nhận thấy còn có thể đưa đi cấp cứu được thì nhanh chóng cắt đứt dây, hạ nạn nhân xuống, nhưng phải chú ý, Cắt dây phải tránh nút buộc, giữ nguyên trạng thái nút thắt, ghi nhận vị trí nút buộc, khoảng cách từ mặt đất đến chân nạn nhân, từ nút thắt đến điểm treo, cách thức buộc, số vịn nếu có, ghi nhận mọi dấu vết, đồ vật có trong nhà, xung quanh nạn nhân.

Đối với trường hợp chết dưới nước, không được dùng câu liêm để móc kéo nạn nhân để phát sinh dấu vết mới.

Đối với trường hợp chết do sử dụng vũ khí, bảo vệ hiện trường ở phạm vi rộng (Vì tính đến đường đạn bắn xa), không được sờ mó đến tang vật, súng đạn, nếu phát hiện đầu đạn, vỏ đạn phải đánh dấu khoanh tròn.

Hiện trường cháy:

a) Việc bảo vệ hiện trường cháy thường bị ảnh hưởng bởi các yếu tố:

Nhiều người xem và tham gia chữa cháy.

Tình trạng hiện trường hỗn loạn, khi kiểm tra, kiểm soát.

Hiện trường bị thay đổi nghiêm trọng.

Người chữa cháy do vội vàng, không còn nhớ những động tác khi chữa cháy (Ngắt cầu dao điện, công tắc điện).

Vì vậy khi bảo vệ hiện trường cháy, phải ghi nhận được những người tham gia chữa cháy cũng như thay đổi do cứu chữa cháy gây ra.

b) Phạm vi bảo vệ phụ thuộc vào:

Vị trí khu vực cháy, phạm vi lan rộng.

Mức độ thiệt hại xảy ra.

Bảo vệ hệ thống điện như: Cầu dao, cầu chì, role dây dẫn, không để phá hủy.

Đồng thời phải ghi lại những tin sau đây để cung cấp cho cơ quan điều tra:

- + Tin người báo cháy.
- + Thời điểm nhận tin.
- + Thời điểm phát hiện cháy.
- + Nơi cháy đầu tiên.
- + Điểm cháy mạnh nhất.
- + Diễn biến vụ cháy, hướng cháy và phạm vi lan rộng.
- + Màu sắc, mùi, độ bốc cao, hình thù của khói.
- + Tình trạng cửa kính cửa sổ.
- + Hướng gió, tốc độ gió.
- + Tình trạng của hệ thống báo cháy (nếu có lắp đặt).

Hiện trường trộm:

Đối với hiện trường này ta thường gặp 3 loại sau:

Trộm cạy khóa, dùng sức lực và dụng cụ đa dạng để thực hiện.

Trộm mở khóa, dùng chính bản thân chìa khóa đã hay chìa khóa khác, chìa khóa vạn năng.

Trộm leo tường (Dùng địa hình, địa vật, địa thế sẵn có để leo vào ví dụ: qua lỗ thông gió, mái nhà).

Đối với các vụ trộm theo 3 dạng này, ngoài những nguyên tắc cơ bản đã nêu ở các phần trên, cần chú ý:

Mở rộng phạm vi bảo vệ sang các phòng nghi vấn nơi thủ phạm hành động.

Chú ý bảo vệ các đường vào, đường ra của thủ phạm.

Không để bất kỳ ai vào hiện trường thử khóa, đóng, mở khóa.

Bảo vệ dấu vết ngoài trời, chú ý dấu vết nguồn hơi để lại như: Quần áo, gang tay, khăn....

*Lưu ý: Nơi thủ phạm có thể ẩn náu từ trước.

Hiện trường tai nạn, sự cố kỹ thuật và hư hỏng máy móc.

Ngồi những biện pháp cơ bản đã nêu cần chú ý một số điểm sau:

Ngăn chặn sự cố lan rộng, loại trừ những thiệt hại do phản ứng dây chuyền.

Xác định những máy móc thiết bị, khu vực nào là trọng tâm của sự cố, nơi có nhiều dấu vết để bảo vệ cho phù hợp. Thiết lập những khu vực cấm, vành đai bảo vệ.

Ngăn ngừa những hoạt động xĩa dấu vết hoặc thay đổi vị trí nhằm che dấu tội phạm.

Bảo vệ các tài liệu kỹ thuật có liên quan đến sự cố máy móc.

Giúp cơ quan Công An xác định những nhân chứng.

Hiện trường các vụ truyền đơn, khẩu hiệu phản động.

Cần lưu ý:

Giữ nguyên hiện trường bằng cách chằng dây, cấm biển không cho ai qua lại.

Che đậy, thu giữ hoặc bảo vệ tại chỗ, tuy nhiên, phải tránh phá hoại các dấu vết xung quanh nơi có khẩu hiệu truyền đơn như: Dấu chân, dấu dầy dép, tóc, phấn, mực, sơn, hồ dán.

Nắm dư luận xung quanh để xác minh đối tượng nghi vấn (nếu có, phải kịp thời báo cho cơ quan công an).

* Tóm lại:

Trên đây là một số hiện trường thường gặp, công tác bảo vệ hiện trường phải thực hiện tốt hay không còn tùy thuộc vào khả năng tư duy của mỗi con người. Nội dung trên đây có tác dụng là nền tảng cho công tác bảo vệ, giúp cho công tác điều tra của cơ quan Công An đạt kết quả nhanh chóng tìm ra thủ phạm.

PHẨM CHẤT NGƯỜI BẢO VỆ

Người bảo vệ dù trong biên chế của nhà nước hoặc của các công ty dịch vụ bảo vệ đều phải có phẩm chất đạo đức, tư cách tốt, thường xuyên trao đổi kiến thức, phẩm chất đạo đức, rèn luyện, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, nghiêm cấm lợi dụng chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ được giao vào mục đích cá nhân.

Từ yêu cầu trên đây, CHC Security đặt ra khẩu hiệu hành động là:

LỊCH SỰ – ĐẠO ĐỨC – UY TÍN – CHẤT LƯỢNG- HIỆU QUẢ

Đó cũng là văn hóa của CHC Security .

* Lịch sự: Con người có văn hóa là con người lịch sự. Trong cuộc sống hàng ngày, đòi hỏi mỗi con người đều phải có phép lịch sự tối thiểu. Là nhân viên bảo vệ của CHC Security, cũng phải thể hiện là con người có văn hóa, lịch sự. Đối với nhân viên bảo vệ CHC Security, lịch sự thể hiện trên các mặt:

– Lời nói, dân ta có câu “lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, lời nói cũng thể hiện cá tính của con người.

– Nhân viên bảo vệ CHC Security , trong khi làm việc, trong lúc nghỉ, trong sinh hoạt yêu cầu phải nói năng nhã nhặn, khiêm tốn nhất là khi làm nhiệm vụ, phục vụ khách hàng.

– Trong khi làm việc không được nói năng cộc lốc, cộc cằn, không nói trống không, không hách dịch, không quát tháo. Cần phải nói năng nhẹ nhàng, nhã nhặn, có thưa, có gửi đối với những người tiếp xúc với mình.

– Về ăn mặc, đúng trang phục, đúng điều lệnh của công ty. Quần áo, cầu vai, lơ gơ, mũ, cà vạt, băng tên, đi giày đen phải đầy đủ. Không được quần nọ áo kia, phải là ủi ngay ngắn, không được mặc quần áo bẩn, cũ rách, tóc tai gọn gàng, nam không đầu bù tóc rối, dài quá gáy, nữ phải chải chuốt gọn gàng.

– Tác phong: Đi đứng phải nhanh nhẹn, nghiêm trang, đĩnh đạc, khi ngồi gác không được co chân lên ghế, khi đi tuần tra phải hàng hàng đi đứng đúng tác phong, không được cà đặt, cà đeo.

– Nhân viên CHC Security, luôn là con người từ lời nói, ăn mặc, đầu tóc đến tác phong đi đứng lúc nào cũng thể hiện lịch sự, có văn hóa.

* Đạo đức: Đó là cái gốc của con người, sống trên đời con người cần phải có đạo đức sống, đối xử với bạn bè, làng xóm, đồng đội và mọi người có từ “NHÂN”, nhân hậu – đó là đạo đức. Sống vì mọi người, coi lợi ích của mọi người hơn lợi ích của mình – đó là đạo đức. Sống hết lòng vì công việc, ngành nghề mình đã chọn, làm việc có năng xuất, có chất lượng, có sáng kiến – đó là đạo đức. Sống có tập thể, gương mẫu trước mọi người – đó là đạo đức. Sống không tham ô, không lãng phí, không tham lam, trộm cắp của người khác – đó là đạo đức.

Là nhân viên bảo vệ CHC Security đòi hỏi mỗi người ngồi phát huy truyền thống đạo đức của gia đình mình còn phải không ngừng học tập, trau dồi kiến thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức.

Con người sống phải có lý tưởng, có hoài bão, phải định cho mình cái đích cao đẹp của sự nghiệp để phấn đấu đi lên, quyết đạt được mục tiêu mình đã đề ra.

UY TÍN – AN TOÀN – CHẤT LƯỢNG – HIỆU QUẢ

Đó là đòi hỏi cho mỗi nhân viên bảo vệ CHC Security phải đạt được trong quá trình lao động, công tác.

Bằng tác phong, thái độ làm việc, bằng tác phong thái độ trong giao tiếp để có uy tín với khách hàng.

Trong khi làm việc phải có trách nhiệm, bám sát nhiệm vụ, làm tròn nhiệm vụ được giao, làm việc có năng suất, hiệu quả, luôn suy nghĩ, tìm tòi, phát hiện những sơ hở trong công tác bảo vệ, đóng góp

những ý kiến sát thực để khắc phục. Khi làm việc không bỏ vị trí, không làm việc riêng, không ngủ. Khi có yêu cầu, sẵn sàng làm thêm giờ, thêm việc.

Khi chúng ta làm việc có chất lượng, có hiệu quả là chúng ta đã tạo ra uy tín.

Uy tín của nhân viên bảo vệ là Uy tín của CHC Security, hãy vì uy tín, chúng ta cần nâng cao hiệu quả trong làm việc.

Mỗi một cán bộ, nhân viên bảo vệ CHC Security, luôn nhớ và làm theo khẩu hiệu hành động (hay phương châm hành động) của công ty:

LỊCH SỰ – ĐẠO ĐỨC – UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – HIỆU QUẢ

CHƯƠNG VII. CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY.

Từ lâu dân gian ta đã có câu “Thủy, Hỏa, Đạo tặc” hay “Giặc phá không bằng nhà cháy”.

Thực tế, nước ta đã xảy ra không biết bao nhiêu vụ cháy, làm cho nhiều người lâm vào cảnh “màn trời, chiếu đất”.

Do vậy, công tác phòng cháy – chữa cháy hết sức quan trọng, cấp bách đối với mọi đối tượng (cơ quan, xí nghiệp, chợ, khu dân cư...)

KHÁI NIỆM VỀ CHÁY VÀ CÁC CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY:

Định nghĩa về cháy:

Nhà bác học Nga Lomonxốp là người đầu tiên chứng minh: “Cháy là sự hòa hợp giữa cháy với không khí”.

Đến năm 1773, Nhà hóa học Pháp khẳng định rõ hơn: “Cháy là sự hòa hợp giữa Oxy của không khí”.

Như vậy, vào thời thế kỷ XVIII từ những thể nghiệm hóa học công phu, con người đã chứng minh bằng khoa học: “Cháy là một phản ứng Oxy hóa”

* Tóm lại: Bản chất của sự cháy được định nghĩa chính xác như sau: “Cháy là một phản ứng hóa học có tỏa nhiệt và phát ra ánh sáng”

Những yếu tố cần thiết cho sự cháy:

Để hình thành sự cháy phải hội đủ 3 yếu tố:

Chất cháy.

Nguồn nhiệt thích ứng.

Nguồn Oxy.

Chất cháy có 3 loại:

Thể rắn: Gỗ, bông, vải, lúa gạo, nhựa...

Thể lỏng: Xăng dầu, Benzen, Axeton...

Thể khí: Axê ty len (C_2H_2) oxít cacbon (CO), Mê tan (CH_4).

Nguồn nhiệt:

Trong thực tế đời sống và sản xuất có nhiều nguồn nhiệt khác nhau có thể gây cháy như:

Nguồn nhiệt trực tiếp: Ngọn lửa trần (Bếp lửa, đèn thấp sáng, bật diêm,...).

Nguồn nhiệt do ma sát sinh ra: Ổ máy móc, thiết bị thiếu dầu mỡ, ma sát giữa sắt với sắt...

Nguồn nhiệt do phản ứng hóa học giữa các chất hóa học với nhau.

Nguồn nhiệt do sét đánh.

Nguồn nhiệt do điện sinh ra như: Chập mạch, quá tải, tiếp xúc kém...

Nguồn Oxy (O_2):

Oxy là thành phần tham gia phản ứng cháy và duy trì sự cháy. Để duy trì sự cháy phải có từ 14% – 21% lượng Oxy trong không khí, nếu hàm lượng Oxy thấp hơn thì đám cháy khó có thể phát triển được.

Thực tế môi trường chúng ta đang sống, hàm lượng Oxy lượn chiếm 21% thể tích không khí.

Trong thực tế cá biệt có một số loại chất cháy cần rất ít, thậm chí không cần cung cấp Oxy từ môi trường bên ngoài, vì bản thân chất cháy đã chứa đựng thành phần Oxy, dưới tác dụng của nhiệt, chất đã sinh ra Oxy tự do đủ để duy trì sự cháy.

Ví dụ: KalyClorat (KClO_3), Kalymanganoxít (KMnO_4), Nitrat amoni (NH_4NO_3)....

Xác định yếu tố cần thiết cho sự cháy hết sức quan trọng trong công tác phòng cháy – chữa cháy, giúp cho việc lựa chọn phương pháp phòng cháy – chữa cháy thích hợp nhất. Muốn ngăn ngừa nạn cháy hoặc dập tắt đám cháy, ta chỉ cần loại trừ 3 yếu tố trên.

Những nguyên nhân thường gây cháy:

Do con người:

Cháy do sơ xuất: Chủ yếu do con người thiếu kiến thức, thiếu hiểu biết về phòng cháy dẫn đến những sơ hở, thiếu sót như: Đun nấu, hút thuốc ở những nơi có điều kiện dễ cháy, sử dụng xăng dầu, điện không đúng quy định, quy trình, không đề phòng cháy.

Vì phạm quy định an toàn phòng cháy – chữa cháy: Do con người thiếu ý thức, làm bừa, làm ẩu, không chấp hành quy định, nội quy an toàn phòng cháy chữa cháy như: Đun nấu, hút thuốc ở nơi cấm lửa, hàn cắt trên cao, Mỏ máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc mà không có người trông coi...

Trẻ em nghịch lửa:

Do đốt:

- + Phá hoại (Địch).
- + Phi tang (bọn tham ơ, trộm cắp).
- + Mâu thuẫn, thù hận.

Do thiên tai: Thường xảy ra ở vùng đồi núi, cây cao, nhà cao tầng mà hệ thống chống sét không đảm bảo dễ dẫn đến bị sét đánh...

Tự cháy: Là trường hợp ở một nhiệt độ nhất định, chất cháy tiếp xúc với không khí và tự cháy hoặc chất cháy gặp một chất khác xảy ra phản ứng hóa học có thể tự bốc cháy mà không cần sự cung cấp nhiệt từ bên ngoài.

* Nguyên nhân tự cháy có các loại .

– Tự cháy khi chất đã gặp nước: Natri (Na), Kali (K), Natrihydro sunphát (thuốc nhuộm).

– Tự cháy do quá trình tích nhiệt: Thuốc lá, nguyên liệu cán... Chất thành đồng, do quá trình sinh hóa tích nhiệt. Một số loại dầu thảo mộc như: Dầu gai, dầu bông... Do quá trình Oxy hóa, nhiệt độ tăng lên.

– Tự cháy do tác động của các hóa chất.

Phương pháp phòng cháy, chữa cháy:

Phòng cháy:

Loại trừ chất cháy:

+ Những nơi cần thiết phải có nguồn nhiệt hoặc có thể phát sinh nguồn nhiệt cần loại trừ những chất cháy không cần thiết, nhất là những chất dễ cháy. Ví dụ: Không để xăng trong bếp đun nấu, không dùng giấy, vải là chao đèn, hoặc phơi quần áo sát bóng điện,...

+ Hạn chế khối lượng chất cháy, Ví dụ: Nơi sản xuất phải sử dụng xăng dầu thì cần quy định số lượng đủ dùng cho một ca sản xuất.

+ Thay chất dễ cháy bằng chất không cháy hoặc khó cháy hơn, Ví dụ: Phân xưởng sản xuất làm bằng tre, nứa, lợp lá, giấy dầu, nếu thay bằng các vật liệu khác như gạch, bê tông, lợp ngói thì khó cháy hơn.

+ Bọc kín chất cháy: Dùng các chất không cháy bọc kín các cấu kiện làm bằng vật liệu dễ cháy, Ví dụ: Dùng sơn chống cháy phủ lên trần cốt, gỗ ốp tường... Hoặc bảo quản các chất lỏng, khí dễ cháy bằng các bình kín như đựng xăng vào các can kín.

+ Cách ly chất cháy với nguồn nhiệt là phương pháp dùng các thiết bị để che chắn, ngăn cách an toàn giữa chất cháy với nguồn nhiệt.

Tác động vào nguồn nhiệt:

+ Triệt tiêu nguồn nhiệt: Ở những nơi có chất dễ cháy hoặc nhiều chất dễ cháy phải triệt tiêu nguồn nhiệt không cần thiết. Ví dụ: Không đun nấu, hút thuốc trong các kho, phân xưởng sản xuất, không dùng lửa trần để soi, rịt xăng khi trời tối.

+ Giám sát nguồn nhiệt: Ở những nơi có nhiều chất dễ cháy mà nhất thiết phải có nguồn nhiệt thì phải có người trông coi, kiểm tra thường xuyên, ở các buồng sấy máy sinh nhiệt phải lắp đặt hệ thống theo dõi nhiệt độ để phát hiện sự gia tăng của nhiệt độ.

+ Cách ly nguồn nhiệt với chất dễ cháy, Ví dụ: Không để bếp dầu, bếp điện sát chất dễ cháy.

Tác động vào nguồn Oxy: Phương pháp này khi thực hiện vì hàm lượng Oxy luôn tồn tại trong không khí. Trong thực tế để bảo vệ máy móc tốt, thiết bị đặc biệt quý hiếm người ta có thể dùng phương pháp kỹ thuật, bơm một lượng khí trơ vào phòng đặt máy móc, việc này làm giảm hàm lượng Oxy, tạo lên môi trường không cháy.

Phương pháp chữa cháy:

Phương pháp làm lạnh. Dùng các chất chữa cháy có khả năng thu hút nhiệt cao để hạ nhiệt độ của đám cháy thấp hơn nhiệt độ tự bốc cháy của chất đó. Ví dụ: Phun nước vào đám cháy, chất rắn không chịu nước.

Phương pháp làm ngạt: Thực chất của phương pháp này là tạo lên một màng ngăn hạn chế Oxy tiếp xúc với chất cháy, triệt tiêu mọi yếu tố của sự cháy.

Phương pháp cách ly: Chính phương pháp làm ngạt cũng là phương pháp cách ly (Cách ly Oxy với đám cháy). Đồng thời phương pháp cách ly là tạo một sự ngăn cách giữa vùng cháy với môi trường xung quanh.

Làm ngưng trệ phản ứng cháy: Đưa chất chữa cháy vào gốc lửa làm cho phản ứng cháy chậm lại hoặc không thực hiện được. Ví dụ: Phun bột chữa cháy hoặc cát vào bề mặt của đám cháy. các chất dạng bột này bám chặt vào gốc lửa vừa có tác dụng làm giảm nhiệt độ vừa hạn chế Oxy cung cấp cho đám cháy.

CÁC CHẤT CHỮA CHÁY VÀ DỤNG CỤ CHỮA CHÁY THÔNG THƯỜNG

Nước:

Nước là chất dùng để chữa cháy, có sẵn trong thiên nhiên, sử dụng đơn giản và chữa được nhiều đám cháy.

Dùng nước chữa cháy có hai tác dụng:

Nước có khả năng thu nhiệt lớn, có tác dụng làm lạnh.

Nước bốc hơi tạo thành màng ngăn Oxy với vật cháy, có tác dụng làm ngạt.

* Chú ý: Không dùng nước để chữa cháy các đám cháy kỵ nước, không dùng nước để chữa cháy xăng, dầu, khi đám cháy có điện thì phải tắt điện, sau đó mới thực hiện chữa cháy bằng nước.

Cát:

Rất phổ biến như dùng nước. Có tác dụng làm ngạt và khả năng làm ngưng trệ phản ứng cháy. Đối với chất lỏng cháy, cát còn có tác dụng ngăn cháy lan, dùng cát để đắp thành bờ.

Bột chữa cháy:

– Bột chữa cháy gồm hai loại dung dịch tạo bột:

+ Dung dịch Suphát nhôm ($Al_2(SO_4)_3$), (ký hiệu A).

+ Dung dịch Natri hydrocacbonnat ($NaHCO_3$) – (Ký hiệu B).

Bột có tác dụng chữa các đám cháy chất lỏng như: xăng dầu – vì bột nhẹ hơn nên nổi trên mặt chất cháy, chất liên kết tạo thành màng ngăn giữa chất cháy và Oxy.

* Hạn chế của bột là không chữa được các đám cháy kỵ nước vì trong bột có nước.

Cách sử dụng: Khi có cháy, xách bình bột đến cách đám cháy 2-3 mét, dốc ngược bình, sóc mạnh và hướng vòi phun vào gốc lửa.

Khí chữa cháy (CO_2).

– CO₂ là loại khí chữa cháy, nếu được nén vào bình chịu áp lực hóa lỏng và phun ra ở dạng tuyết lạnh tới – 79 độ C dùng để chữa cháy, có hai tác dụng: Làm lạnh và làm ngạt, dùng CO₂ chữa cháy đạt hiệu quả cao nhất là các đám cháy trong buồng kín, trạm điện, động cơ bị cháy.

– Để dùng CO₂ Chữa cháy, phải nén CO₂ vào bình thép, bình có van đóng mở, vòi hình phễu.

– Bảo quản bình ở nơi thông mát, dễ nơi dễ thấy, dễ lấy, phải định kỳ kiểm tra.

III). MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý VỀ PHÒNG CHÁY – CHỮA CHÁY TẠI MỤC TIÊU:

Mỗi nhân viên khi làm việc tại mục tiêu cần lưu ý các vấn đề sau:

Xem lại phương án phòng cháy – chữa cháy, nắm rõ nhiệm vụ của mình, hiểu rõ những việc cần làm khi xảy ra sự cố cháy.

Kiểm tra, phát hiện sơ hở, thiếu sót thì đề xuất khắc phục:

Nội quy: Việc chấp hành nội quy của cán bộ, công nhân viên.

Tăng cường kiểm tra vào những thời điểm nhạy cảm như: Ngày nghỉ, Lễ tết, mùa khô, hạn hán.
vvv.....

Kiểm tra, đề xuất trang thiết bị, những phương tiện, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy.

Tích cực tham gia chữa cháy khi có sự cố cháy xảy ra.